

Số: 208 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,
cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội ngày 19 tháng 02 năm 2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quyết định thành lập Quỹ Nông nghiệp và Môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Quỹ Nông nghiệp và môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Quỹ Môi trường - Quỹ Phòng, chống thiên tai và Phát triển rừng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 5396/SNNMT-VP ngày 25/6/2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 5257/TTr-SNV ngày 25/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Giám đốc Quỹ Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (tobt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Quy định

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 208/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quỹ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên, quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

2. Tên giao dịch Quốc tế: Dong Nai Agriculture and Environment Fund (viết tắt là Dong Nai AEF).

3. Trụ sở: Quỹ Nông nghiệp và Môi trường có trụ sở làm việc đặt tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động: Hoạt động của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; huy động,

tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, các Nghị định liên quan của Chính phủ và quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động: Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn vốn đối với nguồn vốn được cấp trong hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi các dự án đầu tư về bảo vệ môi trường; tự bù đắp chi phí quản lý từ các nguồn thu hợp pháp, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ

Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước cấp, các khoản tài trợ, đóng góp, ủy thác của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn hoạt động cho Quỹ.

Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Quỹ cho cấp có thẩm quyền.

Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của cấp trên.

Ngoài ra Quỹ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ môi trường

- Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường.
- Tài trợ, đồng tài trợ không hoàn lại cho các hoạt động, dự án về bảo vệ môi trường.

- Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

- Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất của các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.

- Tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải của các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bãi chôn lấp chất thải.

- Nhận ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

b) Nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng

- Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

- Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.

- Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

- Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng.

- Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm.

- Xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng. Xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là tổ chức.

- Xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng.

c) Nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống thiên tai

- Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tiếp nhận, huy động, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ hợp pháp, các khoản đóng góp bắt buộc, tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong tỉnh theo quy định về thu nộp Quỹ Phòng chống thiên tai.

- Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo yêu cầu của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

- Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở.

- Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

- Hỗ trợ cho các dự án khẩn cấp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dự án điều tra cơ bản và các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

5. Quyền hạn

- Tổ chức điều hành các phòng nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Quy định hoạt động của Quỹ và mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính đối với các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, các dự án bảo vệ môi trường, nông nghiệp; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ.

- Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ đối với các chủ đầu tư công trình dự án về bảo vệ môi trường, vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện các chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Mời chuyên gia của các cơ quan chức năng và tổ chức liên quan tham gia hội đồng tư vấn các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường, nông nghiệp được hỗ trợ tài chính của Quỹ và phục vụ cho các hoạt động liên quan khác của Quỹ.

- Trực tiếp làm việc với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

- Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt;

- Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Điều 6. Bảo mật thông tin

1. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng vay vốn trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

2. Viên chức, người lao động của Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 314.472.678.690 đồng (*Ba trăm mười bốn tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi đồng*).

Vốn điều lệ của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau: Vốn điều lệ đã được ngân sách nhà nước cấp và quỹ đầu tư phát triển trước ngày Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ có hiệu lực

thi hành; bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển; ngân sách nhà nước cấp từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Quỹ đầu tư phát triển.

c) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; vốn hoạt động của Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành; các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Mục đích sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn được sử dụng để hỗ trợ tài chính cho các đối tượng là các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, vì mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường và nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng trên địa bàn tỉnh, thông qua hình thức cho vay với lãi suất ưu đãi.

Điều 9. Bảo toàn vốn

1. Hoạt động của Quỹ thực hiện vì mục tiêu góp phần cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh và theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn vốn hoạt động của Quỹ được cấp, quản lý và sử dụng vốn theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Nguồn thu của Quỹ

1. Tiền lãi từ hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ.
2. Tiền lãi từ khoản tiền nhận rồi gửi tại các tổ chức tín dụng và kho bạc:
 - Lãi tiền gửi các quỹ chưa sử dụng;
 - Lãi tiền gửi từ nguồn vốn.
3. Tiền lãi từ tiền gửi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.
4. Trích 10% từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm.
5. Tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
6. Trích 3% từ tổng thu quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh.
7. Các khoản thu khác theo quy định.

Điều 11. Nguồn chi của Quỹ

1. Chi thường xuyên

- Chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.
- Chi phục vụ cho việc thực hiện công việc.
- Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định, chi trả vốn, trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật).

2. Chi không thường xuyên

- Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng.
- Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án theo quy định.
- Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định.
- Các khoản chi khác theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Hoạt động về lĩnh vực môi trường

1. Tiếp nhận các nguồn tài chính để phát triển nguồn vốn hoạt động.
2. Cho vay với lãi suất ưu đãi.
3. Tài trợ, đồng tài trợ.
4. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và hoàn trả tiền ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Nhận ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

Điều 13. Đối tượng được hỗ trợ tài chính

Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ là các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, vì mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường và nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Điều 14. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với quy định tại Quy định này.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng nguồn vốn của Quỹ dùng cho hoạt động cho vay, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các nhóm dự án được ưu tiên hỗ trợ tài chính.

2. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định.

4. Mức vốn cho vay của Quỹ không vượt quá 80% tổng mức đầu tư trước thuế của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường về xử lý và tiêu hủy chất thải rắn (rác thải) và không quá 70% tổng mức đầu tư trước thuế của chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường còn lại.

5. Quỹ được thành lập hội đồng tư vấn thẩm định chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ môi trường (gọi tắt là Hội đồng thẩm định) giúp Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định việc hỗ trợ tài chính đối với chương trình, dự án đề nghị hỗ trợ tài chính. Hội đồng thẩm định tổ chức, hoạt động theo quy định do Hội đồng quản lý ban hành.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với dự án có khoản vay giá trị trên 01 (một) tỷ đồng.

b) Giám đốc Quỹ quyết định cho vay đối với dự án có khoản vay giá trị từ 01 (một) tỷ đồng trở xuống.

7. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, nhưng không quá 05 năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định nhưng không quá 07 năm.

8. Lãi suất cho vay của Quỹ là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố vào cùng thời kỳ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ.

9. Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo tiền vay được xác định theo quy định của Bộ Luật Dân sự. Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án vay vốn, Quỹ lựa chọn các biện pháp bảo đảm tiền vay như sau:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của tổ chức, cá nhân xin vay vốn.

b) Cầm cố, thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

c) Bảo lãnh của ngân hàng, các tổ chức tín dụng khác hoặc bằng tài sản của bên thứ ba.

d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay

a) Quỹ Nông nghiệp và Môi trường được trích lập quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tính trên tỷ lệ % của tổng số dư nợ cho vay để xử lý bù đắp các rủi ro trong hoạt động cho vay. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro hàng năm.

11. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản cho vay không có khả năng thu hồi do đối tượng vay vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường gặp phải những rủi ro khách quan, bất khả kháng nên không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay.

b) Giám đốc Quỹ quyết định gia hạn nợ của dự án, thời gian gia hạn không vượt quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng; Hội đồng quản lý quyết định gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng. Việc khoan nợ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Việc xóa nợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Tài trợ, đồng tài trợ

1. Quỹ tài trợ, đồng tài trợ không hoàn lại cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị chỉ hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Quy định này và phù hợp với cam kết của phía tài trợ.

3. Mức vốn tài trợ, đồng tài trợ cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và phải phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ.

4. Nguồn kinh phí tài trợ: Từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 16. Nhận ký quỹ bảo vệ môi trường

1. Quỹ nhận ký quỹ bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khai thác khoáng sản, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm

nguyên liệu sản xuất, đầu tư xây dựng bãi chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền ký quỹ bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhận ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên

1. Quỹ nhận ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên đối với các tổ chức cá nhân theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục nhận ủy thác và quản lý, điều phối sử dụng tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Điều 18. Nguồn tài chính bảo vệ, phát triển rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ trung ương.

5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.

6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 19. Nội dung chi

1. Chi từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng thu ủy thác theo hợp đồng ủy thác đã ký, được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy định này.

2. Chi từ nguồn tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy định này.

3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án từ nguồn tiền tiếp nhận, được quy định tại Khoản 3, 4, 6 Điều 18 Quy định này, bao gồm: Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng,

quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy định này và các nguồn tài chính hợp pháp khác; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 20. Nguồn tài chính phòng, chống thiên tai

1. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập **ngày 31 tháng 12 hàng năm** của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2. Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.

6. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

7. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

8. Tồn dư Quỹ cấp tỉnh cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 21. Nội dung chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng,

chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Các khoản chi khác theo quy định pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 22. Cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ. Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ hoạt động theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; gồm 05 thành viên: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo UBND tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các thành viên là Lãnh đạo của các sở, ngành: Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 12, Giám đốc Quỹ Nông nghiệp và Môi trường kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý thực hiện nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số. Trường hợp biểu quyết ngang nhau, quyết định theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

b) Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

c) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý

a) Quyết định về chiến lược, kế hoạch trung hạn và hàng năm của Quỹ.

b) Quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động, thành lập, tổ chức lại, giải thể Quỹ.

c) Quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, nhân sự (trừ số lượng người làm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức).

d) Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

đ) Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ, quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Sử dụng bộ máy điều hành Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Quy định này.

b) Quyết định thành lập Ban Kiểm soát; bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và các thành viên của Ban Kiểm soát.

c) Giải quyết các khiếu nại của tổ chức, cá nhân vay vốn hoặc nhận hỗ trợ từ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

đ) Kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành Quỹ trong việc thực hiện kế hoạch, chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

e) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

g) Xem xét và thống nhất ý kiến với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc trình UBND tỉnh việc sửa đổi, bổ sung Quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu Quỹ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị.

b) Người đứng đầu đơn vị là đại diện theo pháp luật của đơn vị, quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý và trước pháp luật.

6. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan cấp trên

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

7. Chế độ hoạt động của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý họp định kỳ 01 (một) Quý/lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền; trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường khi có đề nghị bằng văn bản của trên 30% tổng số thành viên Hội đồng quản lý hoặc có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý, người đứng đầu Quỹ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng tham dự.

c) Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng quản lý đồng ý. Các cuộc họp phải ghi thành biên bản, có ý kiến và chữ ký của các thành viên dự họp. Trong trường hợp không tổ chức cuộc họp thì phải lấy ý kiến bằng văn bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản lý để thống nhất quyết nghị. Chủ tịch Hội đồng quản lý ký ban hành nghị quyết, gửi đến các thành viên Hội đồng và cơ quan quản lý cấp trên chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

8. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, mức thù lao, phụ cấp và các chế độ khác (nếu có) của các thành viên Hội đồng quản lý được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 24. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm Trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban là Lãnh đạo phòng nghiệp vụ Sở Tài chính và các thành viên là lãnh đạo phòng nghiệp vụ của Ngân hàng nhà nước khu vực 12.

2. Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý và tổ chức thực hiện một cách độc lập.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ yêu cầu.

d) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ xem xét giải quyết các khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Quỹ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên của Ban được Trưởng ban ủy quyền tham dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trưởng Ban Kiểm soát xây dựng Quy định hoạt động của Ban và trình Hội đồng quản lý quyết định.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát, mức thù lao, phụ cấp và chế độ khác (nếu có) cho các thành viên Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 25. Bộ máy điều hành Quỹ

1. Bộ máy điều hành Quỹ Nông nghiệp và Môi trường hoạt động theo chế độ chuyên trách, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng và các phòng chuyên môn.

2. Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm trên cơ sở xin ý kiến Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ ở trong nước và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy định này.

b) Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

Tổ chức, điều hành hoạt động bộ máy điều hành Quỹ theo Quy định, quyết định của Hội đồng quản lý và các quy định của pháp luật.

Xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán thu chi hàng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Báo cáo định kỳ về tình hình hỗ trợ tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Quyết định cho vay, hỗ trợ tài chính, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại Quy định này và phạm vi do Hội đồng quản lý Quỹ phân cấp.

Đề xuất thành lập Hội đồng thẩm định, mời các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng thẩm định trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định.

Ban hành các quy chế của Quỹ; trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt các quy định hướng dẫn nghiệp vụ theo quy định.

Giám đốc Quỹ trình Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm kế toán trưởng; bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng của Quỹ; quyết định tuyển dụng và quản lý nhân sự của Quỹ theo phân cấp trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân cấp của Hội đồng quản lý và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Phó Giám đốc Quỹ: Giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

5. Kế toán Trưởng: Giúp Giám đốc Quỹ chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính và thống kê của Quỹ; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Quy định này.

6. Các phòng chuyên môn: Có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Giám đốc Quỹ trong việc tổ chức, quản lý và điều hành công việc của Quỹ theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, nhân sự; chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm; thi đua khen thưởng, kỷ luật; lập kế hoạch, theo dõi, báo cáo công tác quy chế dân chủ cơ sở, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và cải cách hành chính; công tác hành chính quản trị; quản lý dụng cụ, máy móc, thiết bị và tài sản của Quỹ; chuyển đổi số; văn thư lưu trữ, kho, quỹ, bảo vệ và các công việc hỗ trợ, phục vụ khác.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, ngắn hạn, chương trình công tác; tiếp nhận và triển khai nhiệm vụ; theo dõi tiến độ chung, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch, triển khai thực hiện mua sắm và quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và các dịch vụ khác theo quy định để phục vụ hoạt động của Quỹ.

- Và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Quỹ.

b) Phòng Nghiệp vụ

- Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, truyền thông; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn.

- Xác định diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng, xây dựng bản đồ chi trả; xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; trồng rừng thay thế.

- Rà soát, ký kết và thanh lý hợp đồng ủy thác.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá các đối tượng liên quan.

- Thống kê, tổng số liệu thuộc phạm vi quản lý Quỹ; Cung cấp số liệu phục vụ công tác xây dựng kế hoạch hoạt động.

- Và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Quỹ.

c) Phòng Tài chính - Tín dụng

- Chủ trì lập dự toán kinh phí các nhiệm vụ, lập thủ tục và theo dõi việc trình thẩm định, phê duyệt các nhiệm vụ Sở giao.
- Xây dựng phương án về tài chính, quy chế tiền lương, quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện quản lý kế toán, tài chính; báo cáo thanh quyết toán tài chính theo quy định;
- Theo dõi, tổng hợp thu, chi từ nguồn các quỹ.
- Thực hiện nhiệm vụ thẩm định hồ sơ vay vốn, giải ngân, theo dõi, đôn đốc việc trả nợ gốc và lãi vay; kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tài sản đảm bảo nợ vay,...
- Thực hiện thẩm định hồ sơ tài trợ; tiếp nhận, quản lý, sử dụng và hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; nhận ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.
- Thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; kiểm tra, thẩm định các chương trình, dự án sử dụng từ nguồn phòng, chống thiên tai; thẩm định mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra, đề xuất hỗ trợ các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai.
- Và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Quỹ.

Chương VII

CƠ CHẾ VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 26. Xây dựng kế hoạch

Hàng năm, Quỹ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch hoạt động, thu chi tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

Điều 27. Cơ chế tài chính

Cơ chế tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với đơn vị tự chủ tài chính chi thường xuyên (nhóm 2) và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 28. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quỹ được phép thuê kiểm toán độc lập để tổ chức kiểm toán nội bộ về tài chính. Kết quả kiểm toán phải báo cáo với Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định.

3. Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước ngoài ngân sách hạch toán độc lập. Chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

4. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm và các nghĩa vụ thuế theo quy định (nếu có).

5. Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

Điều 29. Phân phối kết quả tài chính trong năm

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vào nguồn vốn.

Điều 30. Mục đích sử dụng các quỹ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 31. Quản lý và sử dụng các quỹ

Việc sử dụng các quỹ phải thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Điều 32. Báo cáo quyết toán

Kết thúc năm hoạt động, Quỹ lập báo cáo tài chính, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xét duyệt; Ban kiểm soát Quỹ thẩm tra; kết quả báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Tài chính.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm thực hiện

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này./.